

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 407/2022/DSPT

Ngày 30/9/2022

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Viết Văn

Ông Trương Chí Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân TP. Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”; Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 24 tháng 8 năm 2022; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Tiến C, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1953; cùng nơi cư trú: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Cảnh: Ông Lương Danh Tùng, sinh năm 1973 – Luật sư của Công ty Luật TNHH Hà Nội Trường An, địa chỉ liên hệ: Tòa nhà Hacinco B3.7 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Vắng mặt

2. Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Thế Tr, sinh năm 1967. Có mặt

2. Ông Trần Trung S, sinh năm 1971. Có mặt

3. Ông Trần Công H, sinh năm 1972. Có mặt

4. Ông Trần Công H1, sinh năm 1974. Có mặt

5. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1967. Có mặt

Cùng trú tại: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Dương Thị L, sinh năm 1970 (vợ ông Tr). Vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Thế Tr1, sinh năm 1993. Vắng mặt

3.3. Chị Trần Thị Thu H1, sinh năm 1996. Vắng mặt

3.4. Cháu Nguyễn Phương A, sinh năm 2005. Vắng mặt

3.5. Cháu Nguyễn Vân A1, sinh năm 2014. Vắng mặt

3.6. Cháu Nguyễn Thế H2, sinh năm 2018. Vắng mặt

(Ông Tr, bà L là người đại diện cho cháu Phương A, anh Tr1 và chị H1 là người đại diện cho cháu Vân A1, cháu H2)

Cùng trú tại: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội

3.7. Bà Trần Thu H3, sinh năm 1976. Vắng mặt

3.8. Cháu Trần Duy A3, sinh năm 2005. Vắng mặt

3.9. Cháu Trần Châu Gi, sinh năm 2007. Vắng mặt

(Anh S, chị H là người đại diện cho cháu Duy A3 và Châu Gi)

Cùng trú tại: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội.

3.10. Bà Đỗ Thị C1, sinh năm 1945 – vợ cụ Ng. Vắng mặt

3.11. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978 – vợ ông H. Vắng mặt

3.12. Anh Trần Minh Qu, sinh năm 2000. Vắng mặt

3.13. Cháu Trần Minh O, sinh năm 2005. Vắng mặt

(Anh Hào, chị Xiêm là người đại diện cho cháu Minh Oanh)

Cùng trú tại: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội

3.14. Bà Nguyễn Thị Thu Y, sinh năm 1979 – vợ ông H. Vắng mặt

3.15. Anh Trần Nam Kh, sinh năm 2002. Vắng mặt

3.16. Cháu Trần Tuấn A4, sinh năm 2005. Vắng mặt

3.17. Cháu Trần Quốc H3, sinh năm 2013. Vắng mặt

(Anh H, chị Y là người đại diện cho cháu Tuấn A4, cháu H3)

Cùng trú tại: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội

3.18. Anh Đinh Hoài L2, sinh năm 1995 – con bà Thiệp. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội

3.19. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số 12 Lê Lai, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.20. Ủy ban nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, địa chỉ: Lý Thái Tổ, Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt

3.21. Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, địa chỉ: Số 10 Ngô Xuân Quảng, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội. Vắng mặt

3.22. Ủy ban nhân dân xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, địa chỉ: Xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Trần Tiến C và bà Nguyễn Thị Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2019 nộp ngày 10/12/2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 30/6/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Tiến C trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Cụ ông nội tôi Trần Công Hậu, chết năm nào không rõ, cụ bà nội tôi tên Bùi Thị Mẫn chết năm 1942. Cụ nội tôi có 7 người con, chết 1 còn 6 là: bà Trần Thị Hai, bà Trần Thị Ba, ông Trần Công Uyên, ông Trần Công Năm (chết sớm), ông Trần Công Sáu, ông Trần Công Bảy.

Ông Trần Công Uyên có 2 vợ: Vợ cả là Lê Thị Tuất (chết năm 1981), vợ hai là Nguyễn Thị Gái (chết năm 1973).

Ông Uyên là liệt sỹ năm 1960. Sinh thời, cụ Uyên có 2 vợ: Vợ đầu là cụ Lê Thị Tuất, vợ thứ hai là cụ Nguyễn Thị Gái.

Cụ Uyên và cụ Tuất có 01 người con là Trần Tiến C.

Cụ Uyên và cụ Gái sinh được 6 người con: ông Trần Công Thạnh (chết), ông Trần Công Nguyên, bà Trần Thị Thư (chết), bà Trần Thị Hương (lấy chồng ở Miền Nam), ông Trần Công Xương, ông Trần Công Chương (chết).

Cụ Uyên tạo lập cho 02 bà hai khối tài sản riêng biệt, vợ cả và vợ hai đều có đất ở mỗi người một nơi. Cụ Tuất là vợ cả được cụ Mẫn cho 2 ao liền nhau, cụ Mẫn cho cụ Tuất chứ cũng không cho ông Uyên. Việc cho chỉ bằng miệng mà không có văn bản giấy tờ gì. Khoảng năm 1960 cụ Tuất đã hiến toàn bộ 02 ao này vào Hợp tác xã, nhưng bờ của 02 ao cụ Tuất vẫn sử dụng trồng tre trên đó chứ cũng không trồng hoa màu hay xây dựng công trình gì. Bờ ao cụ Tuất quản lý sử dụng dài, rộng bao nhiêu tôi không biết.

Đến năm 1981 cụ Tuất chết, cụ Tuất để lại toàn bộ bờ ao này cho tôi sử dụng chính thức, còn từ trước đó bờ ao của gia đình, nhà có 1 mẹ 1 con, tôi và cụ Tuất cùng sử dụng. Khoảng năm 1970, tôi lấy vợ, vợ tôi còn xuống ao vớt bùn trồng tre ở ao. Tuy nhiên, tôi không biết bờ ao dài rộng như thế nào vì không đo bao giờ. Vợ chồng tôi sử dụng cùng cụ Tuất cho đến năm 1981 cụ Tuất chết thì vợ chồng tôi sử dụng cho đến khoảng năm 1985, tôi công tác ở Hà Nội nên đưa vợ con ra Hà Nội sinh sống từ đó tôi không còn sử dụng, quản lý bờ ao này nữa. Tôi sử dụng nhưng cũng không trồng hoa màu, không xây dựng công trình gì, chỉ để nguyên vậy, tre trên bờ của các cụ thì từ xưa vẫn để vậy.

Sau năm 1985, tôi không sử dụng thì ông Nguyên và các con ông Nguyên mới ra đây sử dụng. Năm nào ông Nguyên và con ông Nguyên làm nhà trên đất tôi không biết vì chúng tôi sống ở nội thành Hà Nội rồi. Tôi thừa nhận ông Hào xây nhà năm 2010, bà Thiệp xây nhà năm 2012 tôi biết nhưng tôi không có ý kiến gì. Năm 2003, anh Trang bán đất gò nhà tôi cho anh Sơn, anh Sơn xây nhà thì tôi biết và tôi gửi đơn ra UBND xã Yên Thường rất nhiều về việc anh Trang bán đất gò ao của gia đình tôi

cho anh Sơn nhưng UBND xã Yên Thường không giải quyết cứ để anh Sơn xây nhà. Đến nay tôi không có tài liệu chứng minh việc gửi đơn ra xã việc anh Sơn xây nhà năm 2004 để xuất trình cho Tòa án.

Đến năm 2011 và 2014 tôi tiếp tục gửi đơn về việc anh Nguyễn Thế Tr bán đất của nhà tôi đến UBND các cấp vì gia đình tôi là gia đình chính sách (Liệt sỹ) để đòi lại quyền sử dụng đất gò của gia đình tôi mà anh Trang quản lý sử dụng. UBND huyện Gia Lâm đã có Quyết định giải quyết số 3499 ngày 22/12/2011 và Quyết định số 54 ngày 13/01/2014. Tôi đã nhận được 02 Quyết định này ngay sau khi UBND huyện Gia Lâm ban hành trong năm 2011 và 2014 nhưng ngày tháng nhận tôi không nhớ. Quyết định số 3499 tôi không khiếu nại tiếp, Quyết định số 54 tôi tiếp tục khiếu nại. Ngày 15/9/2014 UBND thành phố Hà Nội có có Quyết định số 4783 y quyết định của UBND huyện Gia Lâm. Quyết định số 4783 tôi cũng nhận trong tháng 9/2014, ngày nhận tôi không nhớ, tuy nhiên tôi chưa từng khởi kiện 03 Quyết định này tại bất kỳ Tòa án nhân dân cấp nào là vì tôi không hiểu pháp luật. Nay tôi không khởi kiện 3 quyết định này mà khởi kiện vụ án dân sự đòi lại 544m² gò ao này của gia đình tôi.

Đối với 3 Quyết định hành chính này, tôi yêu cầu giải quyết phần 70m² của gia đình ông Nguyễn Thế Chính có tên thửa số 21 tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội mà ông Chính cho con trai là ông Nguyễn Thế Tr sử dụng, còn thửa số 22 và 31 tôi chưa từng đơn thư hay khởi kiện tại cơ quan có thẩm quyền nào.

Đến nay tôi xác định toàn bộ 544m² cộng theo diện tích của Bản đồ năm 1993-1994 của 3 thửa đất số 21,22 và 31 tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ xã Yên Thường huyện Gia Lâm, Hà Nội mà trong đó có 1 thửa số 22 mang tên tôi Trần Tiến C là gò ao của gia đình tôi, buộc 5 gia đình ông Trang, ông Sơn, ông Hào, ông Hiệp bà Thiệp phải trả lại cho tôi toàn bộ 3 thửa đất trên. Tôi không xác định được vị trí, kích thước cụ thể của 3 thửa đất trên nằm tại đâu của 5 nhà vì đến nay hiện trạng thay đổi rất nhiều so với gò ao xưa kia. Đối với thửa số 22 tôi nộp thuế từ năm 2012 đến nay.

Căn cứ để tôi yêu cầu khởi kiện gồm:

- Căn cứ vào nguồn gốc gò ao dân làng ai cũng xác định là gò ao của cụ Lê Thị Tuất. Tài liệu chứng minh là ông Hùng Phó chủ tịch huyện Gia Lâm ký xác nhận cho mẹ tôi rồi, tại phần đầu của Quyết định 54 ông Hùng ký đã nêu.

- Căn cứ vào bản đồ năm 1993-1994 và sổ dã ngoại năm 1993-1994 thể hiện:

- + Thửa số 21 tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ diện tích 70m² mang tên ông Nguyễn Thế Chính

- + Thửa số 22 tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ diện tích 237m² mang tên tôi Trần Công Cảnh. Trần Công Cảnh và Trần Tiến C là 1 người là tôi.

- + Thửa số 31 tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ diện tích 237m² mang tên Trần Công Nguyên.

Tổng diện tích 3 thửa là 544m².

- Tôi nộp thuế thửa số 22 tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường từ năm 2012 đến nay.

- Nhà ông Nguyễn Thế Chính, ông Trần Công Nguyên không có ao thì lấy đâu ra bờ để có đất cho các con.

- Đối với bản đồ năm 1986, UBND xã và huyện đều khẳng định không thể hiện ao và bờ ao đang tranh chấp, tuy nhiên căn cứ vào ngõ đi, lối vào thì nguyên đơn và phía ông Hào, ông Hiệp đều thừa nhận lối vào 5 nhà hiện nay là lối đi vào thửa ao số 136 tờ bản đồ năm 1986. Đề nghị Tòa án mời UBND xã Yên Thường đến phiên tòa để xác định thửa ao số 136 bản đồ 1986 chính là thửa ao số 23 tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường. Bởi vì ao và 3 thửa này phải thể hiện tại bản đồ nào trước năm 1993 chứ không thể có đất có ao mà lại không thể hiện trên bản đồ được. Có được dữ liệu tại bản đồ 1986 thì mới giải quyết được vụ án này. Nếu ao thửa số 136 theo bản đồ năm 1986 chính là ao thửa số 23 tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ thì cơ sở lập luận của nguyên đơn vững chắc về diện tích hai thửa số 22 và 31 tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ không phải là 1 thửa như UBND huyện Gia Lâm kết luận, nên toàn bộ bờ ao phải xem xét trả cho ông Cảnh là có căn cứ.

Xác định thửa số 136 tờ bản đồ Đình Vỹ đo vẽ năm 1986 tương ứng với thửa số 23 tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ đo vẽ năm 1993-1994 vì có diện tích tương tự, sai số ít, lối vào đúng.

Hiện nay tôi không thể chỉ chính xác vị trí, diện tích từng cạnh của 3 thửa đất mà chỉ căn cứ vào biên bản làm việc để xác định thửa số 21 có nhà ông Trang, ông Sơn quản lý; thửa số 22 và 31 có nhà ông Sơn, ông Hào, ông Hiệp, bà Thiệp quản lý.

Từ những căn cứ và lập luận trên, tôi yêu cầu 5 nhà ông Trang, ông Sơn, ông Hào, ông Hiệp, bà Thiệp phải trả lại cho tôi 544m² đất của 3 thửa số 21, 22 và 31 tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, nếu không trả được bằng đất thì trả tương ứng bằng tiền cho tôi; yêu cầu UBND xã Yên Thường phải liên đới bồi thường đất cho tôi vì để cho các gia đình xây nhà mất đất của gia đình tôi. Phần yêu cầu UBND xã Yên Thường phải liên đới bồi thường là yêu cầu mới của gia đình vì nếu Tòa án chấp nhận đây là đất của tôi thì tôi đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm của UBND xã Yên Thường vì cố tình để dân xây nhà trên đất của gia đình tôi, phần liên đới đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật chứ gia đình không yêu cầu cụ thể bằng 1 số tiền nào hết.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Tôi nhất trí hoàn toàn với lời trình bày của ông Cảnh. Ngoài ra, tôi bổ sung như sau: Năm 1970 tôi cưới ông Cảnh về, tôi vẫn còn ra bờ ao vớt bùn trồng tre. Năm 1985, ông Cảnh đi công tác ở Hà Nội nên vợ chồng con cái tôi ra Hà Nội sinh sống. Tôi được nghe kể lại mặt ao này cụ Tuất đã hiến cho hợp tác xã từ năm 1960, còn bờ ao gia đình tôi quản lý sử dụng từ năm 1960 cho đến

năm 1985 gia đình tôi ra Hà Nội sinh sống nên không có điều kiện để quản lý sử dụng bờ ao nữa. Năm 2011 và 2014 gia đình tôi yêu cầu tại UBND các cấp giải quyết tranh chấp giữa nhà tôi và nhà ông Trang thửa số 21, tờ bản đồ số 5, thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội diện tích 70m². Theo tôi toàn bộ 3 thửa này là bờ 02 ao của gia đình nhà tôi, nhà tôi hiến ao nhưng không hiến bờ, nên giờ yêu cầu 5 gia đình đang quản lý sử dụng bờ ao nhà tôi thì trả lại đất bờ ao cho gia đình tôi vì 5 gia đình này không có ao lấy đâu ra bờ mà có bờ sử dụng.

Tôi xác định 02 thửa ao nhà tôi các phía Đông, Tây, Nam, Bắc giáp với nhà nào tôi không xác định được hướng nên không trình bày được. Chỉ biết 4 phía của 3 thửa đất giáp như sau: 1 đầu giáp nhà ông Nghiên; 1 đầu giáp nhà bà Gái Quỳ; 1 bên giáp cánh đồng Trịnh Xá - Châu Khê - phía này là bờ ao đang tranh chấp; 1 bên là ao (giáp bên kia ao là dân ở). Còn kích thước cụ thể của từng thửa tôi cũng không biết, vì nhà tôi không ai đi đo bờ ao bao giờ. Vị trí từng thửa ứng với nhà nào tôi cũng không biết.

Hiện 3 thửa này có 5 bị đơn đang sinh sống. Phần của ông Nguyễn chia cho 3 người con là ông Hào, ông Hiệp và bà Thiệp. Phần của ông Cảnh thì ông Trang bán cho ông Sơn, phần của ông Chính thì ông Trang ở.

Với yêu cầu khởi kiện và căn cứ khởi kiện của ông Cảnh, tôi đồng ý với quan điểm của ông Cảnh và luật sư của ông Cảnh.

Bị đơn là ông Nguyễn Thế Tr khai như sau: Ông nội tôi tên Nguyễn Thế Chắt năm sinh năm mất tôi không nhớ, bà nội tôi tên Nguyễn Thị Bè, năm sinh năm mất không biết. Khi còn sống, cụ Chắt và cụ Bè sinh được 03 người con là bà Nguyễn Thị Bé sinh năm 1932, ông Nguyễn Thế Chính là bố tôi sinh năm 1934, mất năm 2008, ông Nguyễn Thế Chính sinh khoảng năm 1936. Gia đình tôi có khu gò đất tại thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường do ông bà nội tôi để lại cho bố mẹ tôi từ những năm 1960. Sau khi ông bà nội tôi chết thì cho bố mẹ tôi, sau bố mẹ tôi cho tôi. Cạnh khu gò đất của gia đình tôi là khu gò đất của gia đình ông Cảnh. Năm 1980 -1986, bố mẹ tôi đào gát gò để đóng gạch còn gia đình ông Cảnh thì có ông Nguyên là em trai ông Cảnh, con cùng cha khác mẹ với ông Cảnh cũng đào đất đóng gạch và trồng rau tại đây. Ranh giới phân chia phần đất gò của gia đình tôi và gia đình ông Cảnh là bờ đất và bụi tre. Năm 1982 tôi lấy vợ là bà Dương Thị Lượng. Sau khi lập gia đình vợ chồng tôi ra san lấp các hố đóng gạch. Cũng khoảng năm 1982 ông Nguyên cũng cho con trai là ông Hào ra san lấp hố đóng gạch. Khi đó ranh giới giữa hai nhà vẫn là bờ đất và bụi tre. Sau khi san lấp vợ chồng tôi xây dựng nhà và ở tại đây trồng rau, cây ăn quả trên đất, còn gia đình ông Nguyên thì trồng rau trên một phần diện tích đất, phần còn lại nhà ông Nguyên chưa san lấp hết. Năm 2000 vợ chồng tôi xây dựng thêm một ngôi nhà mái bằng 1 tầng 1 tum. Ranh giới đất giữa nhà tôi với nhà ông Nguyên là bức tường gạch cao khoảng 50cm. Đến năm 2001 ông Hào xây dựng nhà mái bằng bê tông cách bờ tường ranh giới 0,7m. Năm 2003 tôi có chuyển nhượng cho anh Sơn 227,5m² đất

mà tôi quản lý sử dụng. Việc chuyển nhượng chỉ lập giấy viết tay có sự chứng kiến của anh Hào hàng xóm. Tôi đã nhận tiền bàn giao đất đầy đủ cho anh Sơn, sống ổn định từ đó đến nay. Phần đất hiện nay nhà tôi đang sử dụng có 3 phần, một phần là đất gò cũ của gia đình tôi, một phần là do bao chiếm ao của hợp tác xã, một phần là do bao chiếm đất của Trịnh Xá, Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh, diện tích từng phần tôi không rõ. Nay ông Cảnh khởi kiện, tôi không liên quan đến phần đất ông Cảnh khởi kiện, ông Cảnh kiện là không có căn cứ.

+ **Bị đơn là ông Ông Trần Trung S trình bày:** Năm 2003, ông Trang bán cho tôi đất có diện tích là 13mx17,5m bằng giấy tờ viết tay, trên phần đất bán không có nhà hay công trình gì khác, cũng không thấy bờ, không thấy ao gì cả. Đầu năm 2004, tôi xây nhà cấp 4 khoảng 28m², không thấy ông Cảnh đơn thư gì. Đến ngày 30/4/2010, tôi đập bỏ nhà cấp 3 xây năm 2004 đi mà xây nhà bê tông cốt thép diện tích khoảng 75m² nhưng do ông Cảnh khiếu nại, tôi bị dừng việc xây dựng. Đến năm 2014, khi có kết quả giải quyết của UBND thành phố Hà Nội thì tôi bắt đầu xây dựng tiếp và vợ chồng tôi sinh sống ổn định đến nay. Nguồn gốc toàn bộ phần đất đang tranh chấp của ông Cảnh với 5 gia đình như thế nào tôi không biết. Khi tôi đến đây thì ranh giới giữa nhà ông Trang và ông Hào có tường ngăn phân cách cao khoảng 50cm. Đến nay toàn bộ 05 nhà bị đơn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì tranh chấp liên miên từ 2011 đến nay, hơn nữa tôi cũng chỉ ở, không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình tôi nộp thuế phần đất chúng tôi đang ở từ năm 2003 đến nay. Việc ông Cảnh bảo đất nhà mình thì xuất trình giấy tờ chứng minh là đất của mình thì hãy đi đòi.

+ **Bị đơn là ông Trần Công H trình bày:** Về quan hệ gia đình, ông Cảnh với ông Nguyễn là con cùng cha khác mẹ. Chúng tôi là con ông Nguyễn. Về nguồn gốc gò ao này đúng là của các cụ để lại không có giấy tờ gì. Xa xưa các cụ có ao hiến vào hợp tác xã, bờ ao thì con cháu tiếp tục sử dụng. Ông Nguyễn sử dụng bờ ao đóng gạch từ những năm 1960, ông Cảnh chưa từng quản lý sử dụng bao giờ, vì ông Cảnh lớn lên ra Hà Nội công tác nên không biết đất gò này như thế nào. Ông Nguyễn và các con phải cải tạo, san lấp rất vất vả mới có được như bây giờ. Hơn nữa, ông Nguyễn với ông Cảnh là con cùng cha khác mẹ, ông Cảnh là con bà cả đã ở toàn bộ đất tổ tiên trong làng, ông Nguyễn là con bà hai nhà đông con ra đất gò ao làm, tôi nghĩ là công bằng. Giờ ông Cảnh về đòi đất của cháu, vậy đất tổ tiên ông quản lý hết thì sao. Từ xưa đến nay ông Cảnh chưa từng sử dụng, nên ông Cảnh không biết đất của mình từ đâu đến đâu cả, thấy tên trong bản đồ thì đi đòi bù. Thửa đất tôi đang quản lý sử dụng là do ông Nguyễn cho tôi, có nguồn gốc là các cụ để lại. Ông Cảnh bảo ao cụ Mẫn cho cụ Tuất, ông xuất trình giấy tờ ra. Cụ Mẫn cũng cho cụ Gái thì sao. Nay ông Cảnh không có giấy tờ chứng minh của mình, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Cảnh.

Bố tôi là ông Nguyễn ra gò này đóng gạch từ những năm 1960, gò này là bờ ao của cụ Mẫn để lại. Cụ Mẫn có 6-7 người con, sao lại chỉ cho mình cụ Tuất là mẹ đẻ ông Cảnh? Cụ Mẫn đi buôn bị chết đuối, đâu kịp trần trối gì mà bảo cụ Mẫn cho cụ Tuất 2 ao, giấy tờ cho ao đâu?. Không rõ năm nào các cụ hiến ao vào Hợp tác xã, sau khi hiến ao vào Hợp tác xã thì ông Nguyễn là bố tôi ra bờ ao này đóng gạch làm lò, rồi quản lý xây dựng công trình trên đất từ đó đến sau này con ông Nguyễn là chúng tôi ra quản lý sử dụng, rồi bố tôi ông Nguyễn chia cho mỗi con một phần, ngoài ra thì chúng tôi còn san lấp xung quanh mới được như ngày nay. Gò nguyên thủy ngày xưa rộng chỉ như mảnh chiếu, vì nó là bờ ao. Ông Cảnh và vợ con chưa từng một ngày nào ra gò này quản lý sử dụng, nên ông Cảnh không thể chỉ được gò nguyên thủy như thế nào. Chúng tôi là con cái cũng san lấp xung quanh mới được như ngày nay. Phần đất nhà tôi đang sử dụng khoảng năm 2002 đã được như hiện nay rồi. Tôi sử dụng phần đất này từ khoảng năm 1988 cho đến nay. Trên đất tôi quản lý hiện nay có 01 ngôi nhà bê tông 4 tầng, 150m2/tầng, tôi xây dựng năm 2014, ngoài ra còn sân, vườn. Toàn bộ 3 phần đất của tôi, ông Hiệp và bà Thiệp đang sử dụng là do tôi đóng thuế toàn bộ hàng năm, đóng thuế bao nhiêu mét vuông tôi không rõ, vì cứ thông báo tiền thì tôi nộp. Có năm thì mẹ đẻ tôi là bà Can đóng, toàn là mẹ con nên ai tiện thì đóng thuế toàn bộ đất luôn.

+ **Bị đơn là ông Trần Công H1 trình bày:** Tôi có ý kiến giống ông Hào. Đất này là gò đất của các cụ xa xưa để lại. Ông Cảnh không dùng, ông Nguyễn ra dùng, khai thác cải tạo bao nhiêu năm mới được như thế này. Giờ về ông Cảnh đòi, tôi không chấp nhận. Phần đất tôi đang sử dụng có nguồn gốc của cụ Nguyễn cho tôi, trong gia đình nên cũng không có giấy tờ. Cụ Nguyễn cũng không có giấy tờ gì. Trên bản đồ năm 1993 cũng có tên của cụ Nguyễn. Toàn bộ gò này cụ Nguyễn quản lý sử dụng từ những năm 1960 cho đến khi anh em tôi lớn thì cụ chia cho mỗi anh em 1 chút lấy nơi sinh sống. Trong toàn bộ phần đất 1583,2m2 đo hiện trạng 5 nhà sử dụng có 1 phần là gò ao, 1 phần lấn chiếm đất công và 1 phần đất của Trịnh Xá, Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh, chứ không phải là gò ao toàn bộ. Ông Cảnh chỉ có tên 237m2 vậy mà đòi cả 544m2 không có giấy tờ, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Cảnh. Ông Cảnh chưa từng quản lý sử dụng, không hiểu sao lại có tên trong sổ sách của xã.

+ **Bà Trần Thị Th trình bày:** Tôi là con gái của ông Nguyễn. Tôi chỉ biết mẹ tôi là bà Can nói từ khoảng năm 1964-1967 ông Nguyễn, bà Can đã quản lý sử dụng thửa đất này để làm vườn, còn ông Nguyễn, bà Can sống ở nơi khác. Trước đây tôi không biết ông Nguyễn, bà Can có xây dựng công trình gì trên phần đất này không. Khoảng năm 2003-2004, bố mẹ tôi cho tôi phần đất này để tôi làm nhà ở, vì cuộc sống vợ chồng của tôi không suôn sẻ nên bố mẹ tôi cho tôi ít đất để dựng căn nhà che mưa che nắng, bố mẹ tôi cho bằng miệng không có giấy tờ gì. Đến năm 2012 tôi bắt đầu xây nhà, thuê đất thì đến nay bà Can vẫn đóng cho tôi. Hiện tôi chưa được cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn, bà Can đang ở với ông Hào cũng trên phần đất đang tranh chấp này, nhưng ông Nguyễn bị tai biến khoảng 2 năm nay không biết gì nữa. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi không biết ông Nguyễn bà Can do đâu mà có thửa đất này, cũng chỉ nghe kể lại là gò đất ao của các cụ để lại cho ông Nguyễn. Từ xưa đến nay chưa bao giờ ông Cảnh quản lý sử dụng phần đất gò này. Nay tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Cảnh, vì ông Cảnh không có giấy tờ gì chứng minh gò đất này là của ông Cảnh.

+ **UBND xã Yên Thường trình bày:** Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Cảnh đối với ông Trang, ông Sơn, ông Hào, ông Hiệp và bà Thiệp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;

Đối với diện tích bên ngoài thửa 21 và 22 tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường là các hộ lấn chiếm 1 phần đất ao thửa số 23 tờ bản đồ số 5 và 1 phần ra đường, nương của xã sau ngày 15/10/1994 đến trước ngày 01/7/2004, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;

Đối với yêu cầu bồi thường của ông Cảnh, UBND xã Yên Thường không sai nên không phải bồi thường. Việc ông Trang, ông Hào, bà Thiệp, ông Hiệp xây nhà thì ông Cảnh không có đơn thư. Ông Sơn xây nhà năm 2010 thì ông Cảnh có đơn thư thì UBND xã đã yêu cầu ông Sơn dừng việc xây dựng, ông Sơn đã chấp hành. Sau đó có Quyết định của UBND TP Hà Nội giải quyết xong tranh chấp thì ông Sơn tiếp tục việc xây dựng. Nay vì công việc quá bận, UBND xã Yên Thường không thể tham gia các buổi làm việc của Tòa án, nên xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc và các buổi xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Dương Thị L, anh Nguyễn Thế Tr1, chị Trần Thị Thu H1, cháu Phương A1, cháu Vân A2, cháu H2 (Do ông Tr bà Lương là người giám hộ cho 3 cháu), bà Trần Thu H3, cháu Duy A3, cháu Gi (Do anh S giám hộ cho 2 cháu), bà Đỗ Thị C1, chị Nguyễn Thị X, cháu Minh Qu, cháu Minh A4 (Do anh H1 giám hộ cho cháu Minh A), bà Nguyễn Thị Thu Y, anh Trần Nam Kh, cháu Tuấn A5, cháu Quốc H3 (Do ông H giám hộ cho cháu Tuấn A5, Hưng), anh Đinh Hoài L2, UBND thành phố Hà Nội, UBND huyện Gia Lâm, UBND thị xã Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh không có lời khai, quan điểm gửi Tòa án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Trần Tiến C, bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Nguyễn Thế Tr, ông Trần Trung S thửa đất số 21, tờ bản đồ số 5, thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, diện tích 70m2, cụ thể với ông Nguyễn Thế Tr đang quản lý sử dụng 67,5m2, ông Trần Trung S đang quản lý sử dụng 2,5m2.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Trần Tiến C, bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Trần Công H, ông Trần Trung S, ông Trần Công H1, bà Trần Thị Th thừa số 22 tức thửa số 31, tờ bản đồ số 5, thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội diện tích 237m², cụ thể ông Trần Công H đang quản lý sử dụng 90,6m²; ông Trần Công H1 đang quản lý sử dụng 84,4m²; ông Trần Trung S đang quản lý sử dụng 33,7m²; bà Trần Thị Th đang quản lý sử dụng 23,7m².

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Không đồng ý bản án sơ thẩm, ông Cảnh, bà Đôi kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa hôm nay,

Các đương sự giữ nguyên quan điểm của mình và không thỏa thuận được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng và đầy đủ các bước tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án.

- Các đương sự chấp hành tương đối tốt quyền và nghĩa vụ của mình.

- Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định, người kháng cáo thuộc diện được miễn nộp tạm ứng án phí nên đơn kháng cáo được coi là hợp lệ về hình thức.

Về hướng giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Cảnh, bà Đôi; đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Nguyên đơn ông Trần Tiến C, bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu gia đình gồm ông Trang, ông Sơn, ông Hào, bà Thiệp, ông Hiệp phải trả lại vợ chồng ông, bà diện tích 544m² đất bờ ao thuộc 03 thửa đất số 21, 22, 31 tờ bản đồ số 5, thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội.

Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn: Ông Cảnh, bà Đôi cho rằng diện tích đất 544m² thuộc 03 thửa đất trên là đất gò ao của bà nội ông là cụ Mẫn để lại cho mẹ ông (cụ Tuất), khoảng năm 1960 cụ Tuất đã hiến 02 ao cho Hợp tác xã, còn bờ ao thì giữ lại sử dụng, sau khi mẹ ông chết thì vợ chồng ông sử dụng đến năm 1985 thì gia đình ông chuyển ra nội thành Hà Nội ở, bờ ao của các cụ do gia đình ông Nguyễn (là con cùng cha khác mẹ với ông Cảnh) sử dụng; Năm 2012, Chính quyền địa phương báo gọi ông

về nộp thuế đất đối với diện tích 237m² thửa đất số 22 và ông đóng thuế từ năm 2012 đến khi xảy ra tranh chấp với gia đình ông Chính, ông Nguyên;

Phía ông Nguyên và các con ông Nguyên là ông Hào, ông Hiệp, bà Thiệp đều thừa nhận phần đất đang tranh chấp mà gia đình các ông, bà đang sử dụng là thửa đất số 31 mà ông Nguyên là người đứng tên chủ sử dụng trong sổ đỏ ngoại năm 1993-1994 xa xưa là đất bờ ao của các cụ nhà ông nhưng không thừa nhận việc cụ Mẫn là bà nội ông cho cụ Tuất là mẹ ông Cảnh bờ ao này vì cụ Mẫn có nhiều con, cụ Tuất chỉ là một trong số các người con dâu cụ Mẫn; gia đình ông đã sử dụng bờ ao này để đóng gạch từ năm 1960, tôn tạo, san lấp, lấn thêm ra đất ao và đất công nên diện tích mới như ngày nay, vợ chồng ông Cảnh chưa bao giờ sử dụng đất bờ ao này, không chấp nhận yêu cầu đòi đất của vợ chồng ông Cảnh.

Ông Trang là con ông Chính khẳng định gia đình ông sử dụng diện tích đất thửa 21 để đóng gạch từ năm 1960, gia đình ông sử dụng liên tục đến nay và đóng thuế đất, đứng tên trong sổ sách địa chính từ trước đến nay, khẳng định gia đình ông Cảnh chưa bao giờ sử dụng đất này, hiện gia đình ông đã làm nhà ở trên một phần đất và bán lại cho ông Sơn sử dụng một phần; Khi ông Cảnh làm đơn đòi đất gia đình ông thì UBND xã, UBND huyện và UBND thành phố đã giải quyết và đều không chấp nhận yêu cầu đòi đất của ông Cảnh đối với gia đình ông; Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi đất của vợ chồng ông Cảnh.

Xét thấy:

Về cơ sở pháp lý:

Ủy ban nhân dân xã Yên Thường không lưu hồ sơ, sổ sách địa chính trước thời điểm năm 1993 nên không có căn cứ xác định chủ sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp thời điểm trước khi lập bản đồ năm 1993-1994.

Theo bản đồ năm 1993- 1994: Diện tích 544 m² đất tranh chấp thuộc các thửa đất sau:

+ Thửa số 21 từ bản đồ số 5 diện tích 70m²: đứng tên ông Nguyễn Thế Chính là bố đẻ ông Trang;

+ Thửa số 22 từ bản đồ số 5 diện tích 237m²: đứng tên ông Trần Tiến C;

+ Thửa số 31 từ bản đồ số 5 diện tích 237m²: đứng tên ông Trần Công Nguyên.

UBND xã Yên Thường xác định: Qua đo tỷ lệ bản đồ năm 1994-1995 thể hiện thửa đất số 22 và thửa đất số 31 trùng nhau, là cùng một thửa có diện tích 237m². Cả ông Cảnh và UBND xã Yên Thường không lý giải được vì sao lại xảy ra tình trạng cùng một diện tích đất nhưng lại mang 2 số thửa và đứng tên 2 chủ sử dụng là ông Cảnh và ông Nguyên. Tại phiên tòa hôm nay, ông Cảnh cũng xác định ông chưa bao giờ kê khai chủ sử dụng thửa đất số 22 này với UBND xã Yên Thường và ông chỉ biết việc ông được đứng tên trong sổ mục kê xã năm 1994-1995 là do UBND xã Yên Thường báo cho ông biết để nộp thuế.

Ông Cảnh, bà Đồi không chỉ được vị trí cụ thể của các thửa đất số 21,22,31 và không xác định được vị trí các cạnh của các thửa.

Về quá trình sử dụng đất:

Ông Cảnh, bà Đồi không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông, bà có thời gian sử dụng đất tranh chấp. Theo xác minh tại Chính quyền xã Yên Thường thể hiện vợ chồng ông Cảnh chưa từng quản lý sử dụng diện tích đất các thửa 21 và 22 (tức 31), tờ bản đồ số 5, thôn Đình Vỹ. Trong khi đó, thực tế gia đình ông Nguyễn và gia đình ông Chính mới là người quản lý sử dụng diện tích đất gò ao này từ những năm 1960 đến nay.

Như vậy, có căn cứ khẳng định sổ dã ngoại năm 1993-1994 phản ánh người sử dụng đất là ông Trần Công Cảnh đối với thửa đất số 22 tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ là chưa đúng thực tế, không có căn cứ.

Đối với việc nộp thuế đất của ông Trần Tiến C từ năm 2012 đến năm 2020:

Căn cứ Điều 1, Điều 2 của Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất theo Luật đất đai năm 2003 thì Điều 1 quy định đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất gồm: Người được Nhà nước giao đất để sử dụng; Người đang sử dụng đất; Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở mà đất đó được sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối chiếu với quy định trên thì ông Cảnh không thuộc đối tượng nộp tiền sử dụng đất đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường nên việc UBND xã Yên Thường thu thuế của ông Cảnh đối với thửa đất này là không đúng. Tuy nhiên, ông Cảnh không có yêu cầu đòi lại số tiền thuế đã nộp trong vụ án này nên không xem xét số tiền thuế ông Cảnh đã nộp.

Như vậy, không có căn cứ xác định ông Cảnh, bà Đồi là người có quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất 237m² thửa đất số 22 (hay thửa số 31), tờ bản đồ số 5, thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cảnh, bà Đồi đòi diện tích đất này đối với ông Hào, ông Hiệp, bà Thiệp là có căn cứ.

Đối với diện tích 70m² thửa số 21, tờ bản đồ số 5, thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội:

Trước khi khởi kiện ra Tòa, ông Cảnh đã có đơn ra UBND xã Yên Thường, UBND huyện Gia Lâm đề nghị giải quyết tranh chấp đất thửa 21 với gia đình ông Trang. UBND huyện Gia Lâm đã ban hành các quyết định số Quyết định số 3499/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 và Quyết định số 54/QĐ-CT ngày 13/01/2014 với nội dung không chấp nhận yêu cầu xác định diện tích thửa 21 là của ông Cảnh. Ông Cảnh khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện Gia Lâm. UBND thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại của ông Cảnh bằng Quyết định số 4783/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 không chấp nhận khiếu nại của ông Cảnh. Ông Cảnh không khởi kiện các quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện Gia Lâm và UBND thành phố Hà

Nội này tại bất cứ Tòa án cấp có thẩm quyền nào. Do đó, các Quyết định số 3499/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 của UBND huyện Gia Lâm, Quyết định số 54/QĐ-CT ngày 13/01/2014 của UBND huyện Gia Lâm, Quyết định số 4783/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với thửa số 21 tờ bản đồ số 5, diện tích 70m² thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật. Tòa cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Cảnh, bà Đồi đối với ông Nguyễn Thế Tr, ông Trần Trung S về thửa đất số 21, tờ bản đồ số 5 thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, diện tích 70m² là đúng với quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 BLTTDS.

2. Đối với yêu cầu của ông Cảnh, bà Đồi buộc UBND xã Yên Thường phải liên đới bồi thường cho ông khi để dân xây nhà trên đất của ông: Do không có căn cứ xác định thửa đất tranh chấp số 21 và 22 (tức thửa 31) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Cảnh, bà Đồi nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của ông Cảnh đối với UBND xã Yên Thường.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Cảnh, bà Đồi.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

3. Về án phí DSPT: Ông Cảnh, bà Đồi không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Cảnh bà Đồi cùng trên 60 tuổi là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.

2. Về án phí DSPT: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Cảnh, bà Đồi

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật để thi hành kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- VKSNDTP. Hà Nội
- TAND H. Gia Lâm;
- Chi cục THADS H. Gia Lâm;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Cổng thông tin điện tử của TANDTC;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Thị Thúy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Viết Văn

Ông Trương Chí Anh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 174/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”; Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 24 tháng 8 năm 2022; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Tiến C, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1953; cùng nơi cư trú: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Cảnh: Ông Lương Danh Tùng, sinh năm 1973 – Luật sư của Công ty Luật TNHH Hà Nội Trường An, địa chỉ liên hệ: Phòng 1603, Tòa nhà Hacinco B3.7 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Vắng mặt

- 2. Bị đơn:**
1. Ông Nguyễn Thế Tr, sinh năm 1967. Có mặt
 2. Ông Trần Trung S, sinh năm 1971. Có mặt
 3. Ông Trần Công H, sinh năm 1972. Có mặt
 4. Ông Trần Công H1, sinh năm 1974. Có mặt
 5. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1967. Có mặt

Cùng trú tại: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Bà Dương Thị L, sinh năm 1970 (vợ ông Trang). Vắng mặt.
- 3.2. Anh Nguyễn Thế Tr1, sinh năm 1993. Vắng mặt
- 3.3. Chị Trần Thị Thu H1, sinh năm 1996. Vắng mặt
- 3.4. Cháu Nguyễn Phương A, sinh năm 2005. Vắng mặt
- 3.5. Cháu Nguyễn Vân A1, sinh năm 2014. Vắng mặt
- 3.6. Cháu Nguyễn Thế H2, sinh năm 2018. Vắng mặt

(Ông Trang, bà Lương là người đại diện cho cháu Phương Anh, anh Trường và chị Hiền là người đại diện cho cháu Vân Anh, cháu Hiếu)

Cùng trú tại: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội

- 3.7. Bà Trần Thu H3, sinh năm 1976. Vắng mặt
- 3.8. Cháu Trần Duy A3, sinh năm 2005. Vắng mặt

- 3.9. Cháu Trần Châu Gi, sinh năm 2007. Vắng mặt
(Anh Sơn, chị Hiền là người đại diện cho cháu Duy Anh và Châu Giang)
Cùng trú tại: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội.
- 3.10. Bà Đỗ Thị C1, sinh năm 1945 – vợ cụ Nguyễn. Vắng mặt
- 3.11. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978 – vợ ông Hào. Vắng mặt
- 3.12. Anh Trần Minh Qu, sinh năm 2000. Vắng mặt
- 3.13. Cháu Trần Minh O, sinh năm 2005. Vắng mặt
(Anh Hào, chị Xiêm là người đại diện cho cháu Minh Oanh)
Cùng trú tại: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
- 3.14. Bà Nguyễn Thị Thu Y, sinh năm 1979 – vợ ông Hiệp. Vắng mặt
- 3.15. Anh Trần Nam Kh, sinh năm 2002. Vắng mặt
- 3.16. Cháu Trần Tuấn A4, sinh năm 2005. Vắng mặt
- 3.17. Cháu Trần Quốc H3, sinh năm 2013. Vắng mặt
(Anh Hiệp, chị Yến là người đại diện cho cháu Tuấn Anh, cháu Hưng)
Cùng trú tại: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
- 3.18. Anh Đinh Hoài L2, sinh năm 1995 – con bà Thiệp. Vắng mặt.
Cùng trú tại: Thôn Đình Vỹ, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
- 3.19. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số 12 Lê Lai, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.
- 3.20. Ủy ban nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, địa chỉ: Lý Thái Tổ, Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt
- 3.21. Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, địa chỉ: Số 10 Ngô Xuân Quảng, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội. Vắng mặt
- 3.22. Ủy ban nhân dân xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, địa chỉ: Xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Vắng mặt.
- Người kháng cáo:** Ông Trần Tiến C và bà Nguyễn Thị Đ

NỘI DUNG

Sau khi thảo luận và nghị bàn, HĐXX biểu quyết nhất trí 3/3 xử như sau:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.
2. Về án phí DSPT: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Cảnh, bà Đồi
3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật để thi hành kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

